TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2345/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 01-12-2023.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Phủ,

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Đặng Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1150/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 643/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 539/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **NTHL**, sinh năm 1986,

Căn cước công dân số: 079XXXXXX940.

Thường trú: 78/10 Đường T, Phường G, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **TVO**, sinh năm 1984,

Căn cước công dân số: 079XXXXXX256.

Thường trú: 78/10 Đường T, Phường G, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà NTHL trình bày*:

Bà và ông TVO tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, quận Bình Thạnh ngày 12/4/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống bình thường nhưng dần dà vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến áp lực cho mỗi bên. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không đạt được kết quả. Do vậy, bà đề nghị ly hôn ông TVO.

Về con chung: Có hai con chung tên NTH, sinh ngày 11/3/2012 và NNTV, sinh ngày 19/7/2019. Bà đề nghị được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông O cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà NTHL không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông TVO:*

Bị đơn ông TVO đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/9/2023 và 05/10/2023 nhưng ông TVO không đến làm việc và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông TVO.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn bà NTHL khởi kiện yêu cầu ly hôn ông TVO, trú tại quận Bình Thạnh, được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà NTHL ly hôn ông TVO, giao hai trẻ NTH và NNTV cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, ông O không cấp dưỡng nuôi con và bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét bà NTHL khởi kiện yêu cầu ly hôn ông TVO, cư trú tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn ông TVO đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông TVO.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2012 quyển số 01/2012 ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Phường G, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà NTHL và ông TVO.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà NTHL đã được giải thích, hòa giải, động viên đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà HL vẫn giữ yêu cầu ly hôn ông TVO do có nhiều mâu thuẫn và không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông TVO không đến tham dự, nên có đủ cơ sở để nhận định ông TVO đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến nghĩa vụ của người chồng trong quan hệ hôn nhân với bà HL. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà HL và ông TVO không còn hạnh phúc, không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, khởi kiện của bà HL yêu cầu ly hôn ông TVO có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung:

Theo trình bày của bà NTHL, bà HL và ông TVO có hai con chung tên NTH, sinh ngày 11/3/2012 và NNTV, sinh ngày 19/7/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà NTHL đề nghị trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông O cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, bà HL vẫn tiếp tục yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung vì bà L hiện đang ở cùng hai con và là người trực tiếp đang chăm sóc hai con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà HL phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của trẻ NTH tại Biên bản làm việc ngày 29/06/2023 nên để

đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con và căn cứ Điều 70, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao hai con chung cho bà NTHL trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà NTHL không yêu cầu ông TVO cấp dưỡng nuôi hai con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà HL.

[5] Về tài sản chung:

Bà NTHL không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, ông TVO không đưa ra ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà NTHL phải chịu án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà NTHL được ly hôn ông TVO.

2. Về con chung:

2.1. Giao hai con chung tên NTH, sinh ngày 11/3/2012 và NNTV, sinh ngày 19/7/2019 cho bà NTHL trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà NTHL không yêu cầu ông TVO cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà NTHL phải chịu, được cấn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0027985 ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà NTHL đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường G, Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân